

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét các đề nghị của Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Lộc An
tại Văn bản số 60/CV-LA ngày 10/6/2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi
trường, Văn bản số 14-VBCC/2024 ngày 29/10/2024 về việc giải trình các nội
dung bổ sung, chỉnh sửa trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường cơ
sở Khai thác lộ thiên mỏ đất sét đồi làm nguyên liệu sản xuất gạch tuynel và vật
liệu xây dựng thông thường khu vực mỏ Cồn Lèn, xã Lộc An, huyện Phú Lộc,
tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
461/TTr-STNMT-MT ngày 06 tháng 11 năm 2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Lộc An, địa chỉ văn phòng: Thôn Nam Trạch, xã Lộc An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Khai thác lộ thiên mỏ đất sét đồi làm nguyên liệu sản xuất gạch tuynel và vật liệu xây dựng thông thường khu vực mỏ Cồn Lèn, xã Lộc An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khai thác lộ thiên mỏ đất sét đồi làm nguyên liệu sản xuất gạch tuynel và vật liệu xây dựng thông thường khu vực mỏ Cồn Lèn, xã Lộc An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

1.2. Địa điểm hoạt động cơ sở: khu vực mỏ Cồn Lèn, xã Lộc An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế;

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp: 3301567461 do Phòng Đăng ký Kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp, đăng ký lần đầu ngày 09/7/2015, thay đổi lần thứ 3 ngày 17/8/2022.

1.4. Mã số thuế: 3301567461;

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khai thác đất sét làm nguyên liệu sản xuất gạch, ngói.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Quy mô diện tích sử dụng đất: Diện tích khu vực khai thác: 10,15 ha, thuộc xã Lộc An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, có tọa độ được giới hạn bởi các điểm góc được đánh ký hiệu từ M1 đến M28 (Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trục 107^0 , múi chiếu 3^0):

Bảng 1.1 Tọa độ ranh giới khu vực khai thác mỏ

Điểm góc	Tọa độ VN -2.000 (KTT 107^0 múi chiếu 3^0)				
	X (m)	Y (m)	Điểm góc	X (m)	Y (m)
M1	1.802.579,62	578.970,62	M15	1.803.078,33	579.157,23
M2	1.802.600,60	578.958,83	M16	1.803.033,33	579.255,23
M3	1.802.732,33	579.006,23	M17	1.803.101,33	579.281,23
M4	1.802.822,33	578.966,23	M18	1.803.104,33	579.340,23
M5	1.802.865,33	578.985,23	M19	1.803.069,33	579.341,23
M6	1.802.903,33	579.042,23	M20	1.802.997,33	579.326,23
M7	1.802.815,33	579.131,23	M21	1.802.973,33	579.363,23
M8	1.802.841,33	579.178,23	M22	1.803.013,33	579.415,23
M9	1.802.889,33	579.180,23	M23	1.802.992,33	579.472,23
M10	1.802.928,33	579.078,23	M24	1.802.864,89	579.408,62
M11	1.802.981,33	579.097,23	M25	1.802.872,22	579.363,17
M12	1.802.970,33	579.126,23	M26	1.802.838,08	579.251,67
M13	1.802.982,33	579.142,23	M27	1.802.699,05	579.115,51
M14	1.803.014,33	579.093,23	M28	1.802.586,91	578.996,61

- Công suất khai thác: $45.000 \text{ m}^3/\text{năm} \approx 58.050 \text{ m}^3$ nguyên khai/năm

- Trữ lượng đất sét:

+ Trữ lượng địa chất cấp 121 + 122 được phê duyệt: $1.052.573,4 \text{ m}^3$;

+ Trữ lượng khai thác: 739.310 m^3 ;

+ Hệ số nở rời trung bình: 1,29.

- Khoáng sản đi kèm: đất tầng phủ có trữ lượng 154.598 m^3

- Khai thác đất tầng phủ: Một phần để cải tạo, phục hồi môi trường của mỏ, phần còn lại thực hiện theo quy định của Luật Khoáng sản và các quy định có liên quan khác.

- Sản phẩm: đất sét làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói.
- Phương pháp khai thác: lộ thiên;
- Thời gian khai thác mỏ: đến hết ngày 04/9/2032.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo các phương án giảm phát sinh bụi trong quá trình hoạt động khai thác quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Lộc An có trách nhiệm:

2.1. Thực hiện các nội dung theo quy định tại Quyết định số 2849/QĐ-UBND ngày 08/12/2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc cho phép Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Lộc An tiếp tục khai thác khoáng sản đất sét làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói tại khu vực Cồn Lèn, xã Lộc An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế;

2.2. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng;

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật;

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường;

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: Giấy phép có hiệu kể từ ngày ký đến hết ngày 04/9/2032 (theo thời hạn của Giấy phép khai thác khoáng sản);

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Công ty CPSXVLXD Lộc An;
- Quỹ BVMT tỉnh;
- UBND huyện Phú Lộc;
- UBND xã Lộc An;
- Cổng Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 60 /GPMT-UBND
ngày 13 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước mưa chảy tràn qua khu vực mỏ
- Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình xịt rửa xe (được thu gom, xử lý và tuần hoàn tái sử dụng không thải ra môi trường).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dòng nước thải: Nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác được thu gom và xử lý thông qua hồ lắng (ở giữa khai trường), theo mương thoát chảy vào môi trường tự nhiên.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: tuyến mương rãnh tự nhiên giáp ranh với khu vực cơ sở thuộc địa phận xã Lộc An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Mương thoát nước khu vực khai trường thuộc địa phận xã Lộc An, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN- 2.000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiếu 3⁰): X = 1.802.937 (m); Y = 579.342 (m).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.476 m³/ngày.đêm

2.3.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy, xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả thải: gián đoạn;

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Giá trị giới hạn (QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C _{max} , cột B, Kq = 0,9; Kf= 1,0)
1	pH	5,5 - 9
2	SS	90
3	Tổng dầu mỡ khoáng	9,0

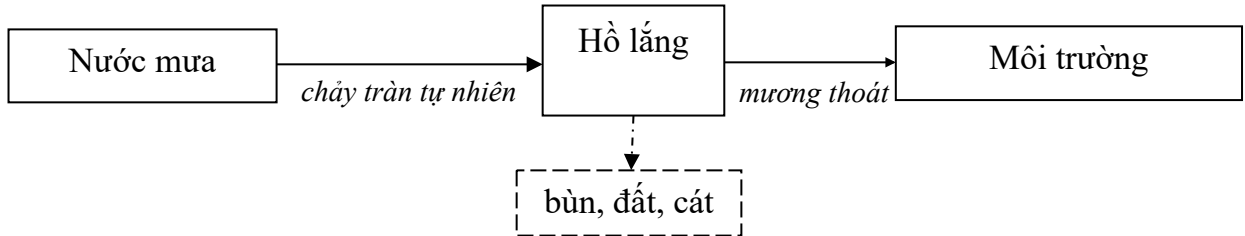
B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Công trình thu gom nước mưa tại khu mỏ

Nước mưa qua khu vực khai trường chảy tràn tự nhiên theo độ dốc địa hình, sau đó chảy vào hồ lắng (là khu vực đã khai thác cũ) bên trong trong khai trường. Nước thải sau xử lý tại hồ lắng chảy theo mương dẫn tự nhiên vào môi trường.



* Các thông số kỹ thuật hệ thống thu gom, thoát nước mưa:

- Tuyến mương thoát nước từ hồ lắng ra môi trường:
- + Chiều rộng đáy mương: dao động từ 2,5 - 3,0 m.
- + Chiều rộng mặt mương tùy thuộc vào địa hình khu vực.
- + Độ dốc tuyến mương: 0,5%.
- + Chiều dài mương dẫn nước: khoảng 100 m.
- Lắp đặt biển cảnh báo nguy hiểm ở vị trí hồ lắng để tránh các tai nạn đáng tiếc xảy ra. Định kỳ nạo vét 01 tuần/lần để đảm bảo công năng của hồ lắng.

1.1.2. Nước thải sinh hoạt

Công trình sinh hoạt cho cán bộ, công nhân hoạt động khai thác mỏ đất được Chủ cơ sở bố trí tại Nhà máy gạch tuynel Lộc An nên tại khu vực mỏ không phát sinh nước thải sinh hoạt.

1.1.3. Nước thải từ quá trình xịt rửa lớp xe

- Nước thải từ quá trình xịt rửa xe chảy trực tiếp về lại hồ lắng;
- Từ hồ lắng, nước được bơm tuần hoàn, tái sử dụng lại cho hoạt động xịt rửa xe, không xả thải vào môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác:

Cơ sở sử dụng khu vực đã khai thác làm hồ lắng để thu gom nước mưa chảy tràn qua khu vực khai trường. Nước mưa chảy tràn sau khi vào hồ lắng sẽ lắng cặn lơ lửng, định kỳ nạo vét hồ lắng để đảm bảo khả năng lắng của hồ.

- + Thể tích hồ lắng: khoảng 5.000 m³
- + Vị trí: nằm giữa khu vực khai trường, có tọa độ (theo hệ VN-2000, kinh tuyến 107, múi chiếu 3⁰): X = 1.802.830 (m); Y = 579.455 (m).

1.2.2. Xử lý nước thải sinh hoạt

Công trình sinh hoạt cho cán bộ, công nhân hoạt động khai thác mỏ đất được Chủ cơ sở bố trí tại Nhà máy gạch tuynel Lộc An nên tại khu vực mỏ không phát sinh nước thải sinh hoạt.

1.2.3. Nước thải từ quá trình xịt rửa xe

Chủ cơ sở xây dựng hồ lắng (thể tích khoảng 1,9 m³) để thu gom, xử lý nước thải từ hoạt động xịt rửa xe.

- Vị trí hồ lắng: tại trạm xịt rửa xe (nằm gần trên tuyến đường vận chuyển đất sét từ khai trường đến khu vực Nhà máy gạch tuynel Lộ An).

+ Tọa độ địa lý của cụm hồ lắng nước thải xịt rửa xe (hệ tọa độ VN-2000, KTT 107⁰ múi chiều 3⁰): X = 1.804.009 (m); Y = 580.003 (m).

+ Nguồn nước sử dụng phục vụ trạm xịt rửa: được tuần hoàn từ hồ lắng.

- Nước thải xịt rửa xe sau quá trình lắng sẽ được bơm tuần hoàn sử dụng, không xả ra ngoài môi trường.

- Cơ sở sẽ tiến hành nạo vét các ngăn lắng thuộc bể lắng ba ngăn với tần suất 01 tuần/lần để đảm bảo lắng các chất rắn lơ lửng trước khi bơm tái sử dụng.

- Nước thải xịt rửa xe sau quá trình lắng sẽ chảy qua bể chứa nước để tuần hoàn sử dụng, không xả ra ngoài môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Cơ sở không thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 60 /GPMT-UBND
ngày 13 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép về khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc, thiết bị theo đúng quy định của nhà sản xuất.

2. Công ty bố trí 01 trạm xịt, rửa xe tự động tại vị trí đầu đường vào mỏ sét (nằm gần trên tuyến đường vận chuyển đất sét từ khai trường đến khu vực Nhà máy gạch tuynel Lộc An) để xịt rửa xe trước khi xe lưu thông vào tuyến đường vận chuyển. Công ty thực hiện việc xịt rửa thành và lốp xe thường xuyên khi xe vận chuyển ra vào mỏ.

- Quy trình vận hành: Các phương tiện di chuyển vào trạm sẽ được phun nước xịt rửa để làm sạch hết các bụi bẩn dính bám trên lốp xe, thành xe. Thời gian phun được điều chỉnh 30 giây/lần phun. Sau khi được làm sạch theo đúng quy trình và thời gian cài đặt, tài xế sẽ điều khiển xe đi ra ngoài, cùng lúc xe tiếp theo sẽ được di chuyển vào vị trí làm sạch.

- Trạm xịt rửa xe gồm các hạng mục sau:

+ Đường ống dẫn nước D76 và 41 béc phun;

+ Nhà điều hành;

+ 02 tấm chắn nước (dài:3m, cao: 3m);

+ 01 máy bơm nước 15HP;

+ Hồ lắng bùn cát: 1,9 m³.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng tuyến đường ra vào khu vực khai trường.

- Sử dụng 2 xe bồn để tưới nước trên các tuyến đường vận chuyển (từ khu vực mỏ đến khu vực Nhà máy gạch tuynel Lộc An; từ Nhà máy đến quốc lộ 1A) vào những ngày khô nóng (với tần suất khoảng 60 phút/lần).

3. Khi vận chuyển, các phương tiện có bạt che phủ và đúng trọng tải quy định.

- Kiểm soát tốc độ vận chuyển của xe, đặc biệt yêu cầu các lái xe giảm tốc độ khi đi qua các khu vực đông dân nhằm giảm thiểu tác động của bụi, khí thải và hạn chế tai nạn giao thông.

- Khảo sát các tuyến đường vận chuyển, nếu có trường hợp rơi vãi đất cần có phương án tưới nước nhằm hạn chế bụi.

- Trồng thêm cây xanh tạo dải xanh xung quanh khu mỏ để giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh trong vùng khai thác và tôn tạo cảnh quan vùng được cấp phép.

4. Thường xuyên thu gom đất đá thải rơi vãi trên tuyến đường vận chuyên;
5. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi hoạt động phát sinh bụi không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 60 /GPMT-UBND
ngày 13 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nguồn phát sinh: Từ các phương tiện giao thông ra vào mỏ, hoạt động của các thiết bị, máy móc tại khu vực khai trường.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung có tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰ như sau:

Điểm góc	Tọa độ VN -2.000 (KTT 107 ⁰ múi chiều 3 ⁰)				
	X (m)	Y (m)	Điểm góc	X (m)	Y (m)
M1	1.802.579,62	578.970,62	M15	1.803.078,33	579.157,23
M2	1.802.600,60	578.958,83	M16	1.803.033,33	579.255,23
M3	1.802.732,33	579.006,23	M17	1.803.101,33	579.281,23
M4	1.802.822,33	578.966,23	M18	1.803.104,33	579.340,23
M5	1.802.865,33	578.985,23	M19	1.803.069,33	579.341,23
M6	1.802.903,33	579.042,23	M20	1.802.997,33	579.326,23
M7	1.802.815,33	579.131,23	M21	1.802.973,33	579.363,23
M8	1.802.841,33	579.178,23	M22	1.803.013,33	579.415,23
M9	1.802.889,33	579.180,23	M23	1.802.992,33	579.472,23
M10	1.802.928,33	579.078,23	M24	1.802.864,89	579.408,62
M11	1.802.981,33	579.097,23	M25	1.802.872,22	579.363,17
M12	1.802.970,33	579.126,23	M26	1.802.838,08	579.251,67
M13	1.802.982,33	579.142,23	M27	1.802.699,05	579.115,51
M14	1.803.014,33	579.093,23	M28	1.802.586,91	578.996,61

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ Giá trị giới hạn theo QCVN đối với tiếng ồn như sau:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Giá trị giới hạn theo QCVN đối với độ rung như sau:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng máy móc thiết bị, vận chuyển hợp lý về cả số lượng các loại máy móc, phương tiện và lộ trình di chuyển; không tập trung nhiều máy móc, phương tiện vận chuyển vào cùng một thời điểm, trên cùng một khu vực thi công, tránh cộng hưởng tiếng ồn, độ rung;

- Khai thác đúng giờ quy định, không khai thác, vận chuyển vào buổi trưa và buổi tối;

- Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, kiểm tra sự cân bằng của máy móc, thiết bị trước khi khai thác, khai thác đúng công suất thiết kế, đúng tải trọng quy định;

- Điều chỉnh số lượng máy móc sử dụng một cách luân phiên cho hợp lý để hạn chế sự cộng hưởng tiếng ồn, độ rung;

- Hạn chế bóp còi và giảm tốc độ xe khi đi qua các khu vực dân cư;

- Đối với những công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn ồn, trang bị các dụng cụ bảo vệ tai đúng tiêu chuẩn nhằm giảm những hậu quả do tiếng ồn gây ra.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn và độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 60 /GPMT-UBND
ngày 13 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Công tác sửa chữa được thực hiện tại gara sửa chữa trên địa bàn, tại khu vực mở không diễn ra công tác sửa chữa nên tại không phát sinh CTNH. Do đó, Chủ cơ sở không bố trí công trình lưu giữ, xử lý CTNH.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng thực tế phát sinh: Công nhân không ăn uống, lưu trú tại mở nên không phát sinh chất thải sinh hoạt.

1.3. Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng trung bình	Mã CTRTT
1	Đất phủ từ quá trình khai thác	Rắn	154.598 m ³	01 07 03
2	Đất, bùn từ hồ lắng	Rắn	120 kg/lần vệ sinh	12 06 13
3	Đất, bùn từ bể lắng 3 ngăn của trạm xịt rửa xe	Rắn	50 kg/lần vệ sinh	12 06 13

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Tại khu vực mở không diễn ra công tác sửa chữa nên tại không phát sinh CTNH. Do đó, Chủ cơ sở không bố trí công trình lưu giữ, xử lý CTNH.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Đối với đất từ hoạt động nạo vét hồ lắng được xe múc, múc lên để ráo nước ngay tại bờ hồ nhằm tận dụng sau ủi khu vực trạm xịt rửa xe sau khi kết thúc khai thác.

- Đối với đất, bùn từ bể lắng ba ngăn của trạm xịt rửa lớp xe tự động được nạo vét đưa đến điểm tập kết tại bờ của bể lắng ba ngăn, nhằm tận dụng san ủi trạm xịt rửa xe sau khi kết thúc khai thác.

- Đối với đất tầng phủ từ quá trình khai thác sẽ được đổ tạm thời trong khuôn viên mở tại khu vực chưa khai thác, sau này trong trường hợp chưa được vận chuyển đi theo quy định của Luật khoáng sản, nếu khai thác đến vị trí đổ tập kết tạm thời, cơ sở sẽ tiến hành bóc phân đã đổ thải cộng với phần

đất bóc tiếp theo đến tập kết ở vị trí đã hoàn thành khai thác trước đó. Lượng đất phủ này với khối lượng dự kiến khoảng 154.598 m³ được tận dụng cho quá trình cải tạo, phục hồi môi trường sau này của Cơ sở, phần còn lại Công ty thực hiện theo quy định của Luật Khoáng sản và các quy định có liên quan.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động

- Lắp đặt một số biển cảnh báo xung quanh khu vực khai thác nhằm hạn chế tối đa tai nạn có thể xảy ra khi con người và súc vật đi qua địa điểm thực hiện;

- Cắm biển cảnh báo độ sâu hố lảng để người dân và cán bộ công nhân biết và đề phòng;

- Công nhân vận hành máy móc thiết bị như máy xúc, máy ủi được đào tạo và đảm bảo thông thạo kỹ thuật trước khi vận hành máy;

- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động và vệ sinh lao động đồng thời có chế độ kiểm tra việc chấp hành của người lao động;

- Tổ chức các buổi tập huấn về an toàn lao động cho công nhân;

- Có chế độ làm việc, nghỉ ngơi với thời gian hợp lý;

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng thiết bị, máy móc trong quá trình thi công;

- Không thi công khai thác vào mùa mưa để tránh gây sạt lở công trình ảnh hưởng đến tính mạng con người.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc nội quy an toàn lao động. Các công tác đảm bảo an toàn lao động trong từng công đoạn của hoạt động khai thác được trình bày cụ thể như sau:

2. Các biện pháp phòng chống cháy nổ

- Tập huấn, nâng cao hiểu biết và khả năng ứng phó khi có cháy xảy ra cho công nhân của cơ sở;

- Tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ, phòng chống cháy rừng cho công nhân;

Khi có báo cháy:

- Ngay lập tức xác định khu vực cháy và loại hình đám cháy: nhỏ, lớn.

- Ngay lập tức huy động nhân lực sử dụng phương tiện chữa cháy tại chỗ để dập tắt đám cháy với đám cháy nhỏ.

- Với đám cháy lớn, thực hiện báo động để sơ tán, tránh gây tổn thất về con người.

- Gọi điện báo ngay cho lực lượng chữa cháy theo số điện thoại 114.

- Huy động nhân lực sử dụng các phương tiện chữa cháy tại chỗ để kiểm soát đám cháy trong khi chờ đơn vị chữa cháy chuyên nghiệp tới.

- Kết hợp cùng lực lượng công an địa phương để giữ gìn trật tự, bảo vệ hiện trường phục vụ cho việc điều tra kết luận nguyên nhân vụ cháy. Làm báo có sự cố theo quy định.

3. Các biện pháp phòng ngừa sự cố sạt lở đất

- Bố trí cán bộ phụ trách mỏ có chuyên môn để điều hành hoạt động khai thác theo đúng kỹ thuật, tránh để sự cố sạt lở đất đá xảy ra.

- Theo dõi thông tin mưa bão và lên kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố sạt lở đất đá; Tạm ngừng khai thác, sơ tán cán bộ công nhân, máy móc, phương tiện (nếu cần thiết) để tránh những thiệt hại do sự cố sạt, lở đất đá gây ra khi trời mưa to.

- Kiểm tra, nạo vét các tuyến thu gom, tiêu thoát nước mưa chảy tràn; Kiểm tra, gia cố bờ moong khai thác, đằm nén chắc chắn khu vực bãi chứa đất phủ trước mùa mưa bão để hạn chế sạt lở đất đá.

- Công tác khai thác phải tuân theo hồ sơ thiết kế mỏ đã phê duyệt.

- Không đào khoét, khai thác hồng chân và tránh những chấn động, những mảnh đất, đá có nguy cơ bị sụp đổ.

- Khi phát hiện có dấu hiệu, hiện tượng sạt lở phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Yêu cầu tất cả cán bộ công nhân rời khỏi khu vực mỏ trong trường hợp mưa bão, không ở lại nhà điều hành.

- Xây dựng phương án chống sạt lở tại công trình và cam kết thực hiện theo đúng phương án đã xây dựng.

4. Sự cố đối với các hố lắng

- Định kỳ tiến hành nạo vét, khơi thông hệ thống thu gom thoát nước thải, hố lắng.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, thoát nước thải để sớm sửa chữa khi phát hiện rò rỉ, hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng hệ thống phun sương, trạm xịt rửa xe.

5. Sự cố tại trạm xịt rửa xe tự động

Khi có sự cố hư hỏng tại trạm xịt rửa xe tự động, Cơ sở thực hiện biện pháp sau:

- Dừng khai thác, vận chuyển đất để sửa chữa trạm xịt rửa xe tự động.

- Thường xuyên theo dõi để nạo vét hố lắng tại trạm xịt rửa xe tự động.

6. Các biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông

- Quy định thời gian vận chuyển hợp lý đối với các phương tiện để tránh ùn tắc vào giờ cao điểm.

- Bố trí tiến độ vận chuyển hợp lý, không tập trung vận chuyển một khối lượng các phương tiện vận chuyển cùng một lúc, trên cùng một tuyến đường.

- Không chở vật tư, nguyên vật liệu quá tải, công kênh.

- Thực hiện tốt công tác kiểm định, duy tu, bảo dưỡng các phương tiện vận chuyển

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 60 /GPMT-UBND
ngày 13 tháng 11 năm 2024 của UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường: Căn cứ vào điều kiện thực tế của loại hình khai thác khoáng sản ảnh hưởng của quá trình khai thác đến môi trường; căn cứ cấu tạo địa chất, thành phần khoáng vật và chất lượng môi trường của khu vực; hiện trạng khai trường sau kết thúc khai thác và tuân thủ hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường, Công ty lựa chọn phương án cải tạo phục hồi môi trường như sau:

- Để lại hồ chứa khu vực từ cos+7m đến cos+13m; San gạt khu vực xung quanh khai trường từ cos+13m trở lên, với diện tích 40.753 m² và tiến hành trồng cây với mật độ 2.500 cây/ha.

- Xây trụ, cột bê tông, dựng hàng rào dây thép gai xung quanh khai trường nhằm đảm bảo an toàn cho người và gia súc qua lại với chu vi khoảng 2.179 m; Chôn biển báo nguy hiểm trên đoạn hàng rào thép gai đã xây dựng.

- Tháo dỡ trạm xịt rửa xe.

- Duy tu lại tuyến đường vận chuyển từ Nhà máy gạch tuynel Lộc An đến khu vực mỏ với khoảng cách khoảng 3km.

- Hồ lợng và mống thu nước đáy khai trường nên không tiến hành san lấp để tạo hồ chạ nước.

Tổng hợp các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

Stt	Số hiệu định mức	Hạng mục công tác	Đơn vị	Khối lượng	Thời gian thực hiện	Thời gian hoàn thành
1		Làm hàng rào bảo vệ			Quý IV/2032	Quý I/2033
a	10.24.10	Làm hàng rào kẽm gai (cột bê tông đúc sẵn)	1 m ²	3.267		
b	AB.25102	Đào móng bằng máy đào <= 0.4m ³	1 m ³	81,312		
		Chiều rộng móng <= 6m, Đất cấp II				
c	AF.11221	Bê tông móng chiều rộng R>250cm	1 m ³	77,682		
		Vữa bê tông đá 1x2 M150				
d	AG.32321	Sản xuất, lắp dựng&tháo dỡ ván khuôn KL	1 m ²	304,920		
		Ván khuôn cọc, cột				

e	AG.13111	Cốt thép cột, cọc, cừ, xà dầm, giằng	1 tấn	3,094		
		Đường kính cốt thép $\leq 10\text{mm}$				
f	AG.11112	Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn BT cọc, cột, vữa BT đá dăm 1x2 M200	1 m ³	14,520		
g	AG.42111	Lắp các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, $P_{ck} \leq 25\text{Kg}$	Cái	726		
h	AM.21302	Vận chuyển cấu kiện bê tông, $P \leq 200\text{kg}$ bằng thủ công, Cự ly $\leq 300\text{m}$	Tấn/km	36,300		
i	AD.32531	Lắp dựng biển báo	1 Cái	44		
2		San gạt khu vực từ cos+13m trở lên				
	AB.34110	San đất bằng máy ủi 110CV	1 m ³	20.376,5		
3		Trồng cây khu vực từ cos+13m trở lên				
	TT.001	Trồng và chăm sóc cây (mật độ 2.500 cây/ha)	ha	4,0753		
4		Tháo dỡ công trình phụ trợ				
a	AA.22320	Phá dỡ kết cấu gạch = máy đào 1.25m ³ gắn đầu búa thủy lực	1 m ³	3,180		
b	SA.11213	Phá dỡ nền gạch xi măng, gạch gồm các loại	1 m ²	7		
c	AA.31221	Tháo dỡ kết cấu mái tôn = thủ công Chiều cao $\leq 6\text{ m}$	1 m ²	7		
d	AA.31121	Tháo dỡ 2 thành trạm kết cấu sắt thép bằng thủ công Chiều cao $\leq 6\text{ m}$	Tấn	1,000		
e	SA.11113	Phá dỡ móng bê tông Có cốt thép	m ³	6,800		
f	SB.94411	V/chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô 7 tấn	1m ³	46,200		
5	TT.002	Duy tu bảo dưỡng tuyến đường vận chuyển gần khu vực mỏ	1km	3		
6	TT.003	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/2.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình IV	1ha	10,550		

2. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường: A = 1.685.153.000 đồng
(Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm tám mươi lăm triệu, một trăm năm mươi ba nghìn đồng./.)

- Thực hiện ký quỹ như sau:

+ Số lần ký quỹ: 9 lần;

+ Số tiền ký quỹ lần đầu: 421.288.250 đồng;

+ Số tiền ký quỹ các lần còn lại: 157.983.094 đồng.

Chủ cơ sở đã thực hiện ký quỹ với số tiền là 294.487.091 đồng. Việc khấu trừ số tiền đã đóng được thực hiện theo quy định của pháp luật về ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường và theo quy định của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Thời điểm ký quỹ: Chủ cơ sở thực hiện ký quỹ lần đầu trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép môi trường; việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

Địa chỉ: Số 115 đường Nguyễn Huệ, phường Phú Nhuận, thành phố Huế.

B. YÊU CẦU KHÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công ty Cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Lộc An chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.